

CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2012**

THÁNG 03 NĂM 2013

MỤC LỤC

A.- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN	2
I.- THÔNG TIN CHUNG	2
1. Thông tin khái quát	2
2. Quá trình hình thành và phát triển	2
3. Ngành nghề kinh doanh	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
5. Định hướng phát triển	6
II.- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	7
2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tài chính & lợi nhuận)	9
3. Tổ chức và nhân sự	10
4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	11
5. Tình hình tài chính	14
6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	15
III.- BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	16
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	16
2. Tình hình tài chính	17
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	17
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	17
IV.- QUẢN TRỊ CÔNG TY	19
V.- BÁO CÁO TÀI CHÍNH	21
1. Ý kiến kiểm toán	21
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	22
B.- BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT	27

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA**

Năm báo cáo: 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN BIBICA
Tên giao dịch quốc tế: : BIBICA CORPORATION
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103010755
Vốn điều lệ : 154,207.820.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 154,207.820.000 đồng
Địa chỉ : 443, Lý Thường Kiệt, F8, Q. Tân Bình, Tp HCM
Số điện thoại : 84.8.39717920
Số fax : 84.8.39717922
Website : www.bibica.com.vn
Mã cổ phiếu : BBC

2. Quá trình hình thành và phát triển

❖ Giai đoạn 1999 đến 2000: thành lập Công ty

- Ngày 16/01/1999, Công ty Cổ Phần Bánh Kẹo Biên Hòa với thương hiệu Bibica được thành lập từ việc cổ phần hóa ba phân xưởng: bánh, kẹo và mạch nha của Công ty Đường Biên Hoà.
- Trụ sở của công ty đặt tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai.
- Ngành nghề chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm: Bánh, kẹo, mạch nha.
- Vốn điều lệ Công ty vào thời điểm ban đầu là 25 tỉ đồng.
- Cũng trong năm 1999, Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất thùng carton và khay nhựa để phục vụ sản xuất, đồng thời dây chuyền sản xuất kẹo mềm cũng được đầu tư mở rộng và nâng công suất lên đến 11 tấn/ngày.

❖ Giai đoạn 2000 đến 2005: tăng vốn điều lệ để chủ động sản xuất, thành lập thêm nhà máy thứ 2 tại Hà Nội.

- Bắt đầu từ năm 2000 Công ty phát triển hệ thống phân phối theo mô hình mới. Các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ lần lượt được thành lập để kịp thời đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của khách hàng trong cả nước.
- Năm 2000 Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất bánh snack nguồn gốc Indonesia với công suất 2 tấn/ngày.

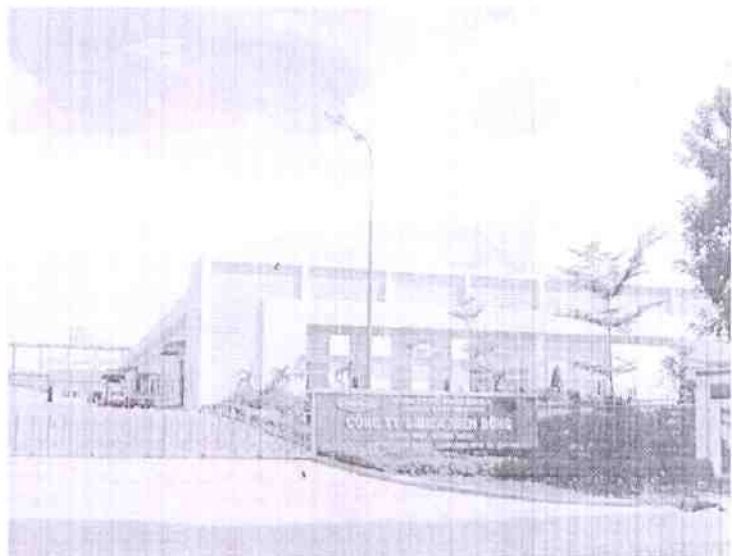
- Tháng 2 năm 2000, Công ty vinh dự là đơn vị đầu tiên trong ngành hàng bánh kẹo Việt Nam được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001 của tổ chức BVQI Anh Quốc.
- Tháng 3 năm 2001, Đại Hội Cổ Đông nhất trí tăng vốn điều lệ từ 25 tỉ đồng lên 35 tỷ đồng từ nguồn vốn tích lũy sau 2 năm hoạt động với pháp nhân Công Ty Cổ Phần.
- Tháng 7 năm 2001, Công ty kêu gọi thêm vốn cổ đông, nâng vốn điều lệ lên 56 tỉ đồng.
- Tháng 9 năm 2001, Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất bánh trung thu và cookies nhân công suất 2 tấn/ngày với tổng mức đầu tư 5 tỉ đồng.
- Ngày 16/11/2001, Công ty được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp phép niêm yết trên thị trường chứng khoán và chính thức giao dịch tại trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ đầu tháng 12/2001.
- Cuối năm 2001, Công ty lắp đặt dây chuyền sản xuất bánh Bông Lan kem Hura cao cấp nguồn gốc Châu Âu, công suất 1,500 tấn/năm, với tổng mức đầu tư lên đến 19,7 tỷ đồng.
- Tháng 4 năm 2002, Nhà máy Bánh Kẹo Biên Hoà II được khánh thành tại khu công nghiệp Sài Đồng B, Long Biên, Hà Nội.
- Tháng 10 năm 2002, Công ty chính thức đưa vào vận hành dây chuyền chocolate với công nghệ hiện đại của Anh Quốc. Sản phẩm Chocobella của Bibica nhanh chóng trở nên thân thiết với người tiêu dùng trong nước và được xuất khẩu sang các thị trường như: Nhật Bản, Bangladesh, Singapore...
- Cuối năm 2002, Công ty triển khai thực hiện dự án mở rộng dây chuyền Snack nâng công suất lên 4 tấn/ngày.
- Bước sang năm 2004, Công ty đã mạnh dạn đầu tư vào hệ thống quản trị tổng thể doanh nghiệp ERP. Đồng thời, năm này cũng đã đánh dấu một bước phát triển mới cho hệ thống sản phẩm Công ty trong tương lai. Công ty đã ký hợp đồng với Viện Dinh Dưỡng Việt Nam để phối hợp nghiên cứu sản xuất những sản phẩm dinh dưỡng, đáp ứng mong muốn sử dụng các sản phẩm tốt cho sức khỏe của người tiêu dùng.
- Vào năm đầu năm 2005, với sự tư vấn của Viện Dinh Dưỡng Việt Nam, Công ty cho ra đời dòng sản phẩm dinh dưỡng:
 - Bánh dinh dưỡng Growsure cho trẻ em độ tuổi ăn dặm từ trên 6 tháng.
 - Bánh dinh dưỡng Mumsure cho phụ nữ có thai và cho con bú



- Bánh Trung thu dinh dưỡng cho người ăn kiêng và bệnh tiểu đường
- Bánh bông lan kem Hura light, bột dinh dưỡng ngũ cốc Netsure light, Choco Bella Light, kẹo Yelo cho người ăn kiêng, bệnh tiểu đường.
- Sản phẩm “light” là dòng sản phẩm rất đặc biệt. Trước khi đi đến kết luận sản phẩm phù hợp với người ăn kiêng và người bệnh tiểu đường, Công ty đã có những công trình nghiên cứu rất công phu. Các sản phẩm này được sự tư vấn và thử nghiệm lâm sàng bởi Viện Dinh Dưỡng Việt Nam. Sự khác biệt trong các sản phẩm này là thành phần đường thường được thay thế bằng nguyên liệu đường đặc biệt Isomalt. Ngoài ra, sản phẩm còn được bổ sung nhiều loại Vitamin, khoáng chất khác.
- Giữa năm 2005, Công ty mở rộng đầu tư sang lĩnh vực đồ uống và cho ra đời sản phẩm bột ngũ cốc với thương hiệu Netsure và Netsure “light”, đồng thời đầu tư mới dây chuyền sản xuất bánh mì tươi tại Nhà máy Bánh Kẹo Biên Hoà II, Hà Nội.
- Cũng trong năm 2005: hợp tác sản xuất với Công ty cổ phần công nghiệp thực phẩm Huế với 27% vốn cổ phần và phối hợp sản xuất nhóm sản phẩm Custard cake với thương hiệu Paloma.

❖ **Giai đoạn 2006 đến 2010: mở rộng lĩnh vực sản xuất (SP dinh dưỡng, đồ uống), đầu tư thêm nhà máy thứ 3 tại Bình Dương.**

- Bước vào năm 2006, Công ty triển khai xây dựng nhà máy mới trên diện tích 4 ha tại khu công nghiệp Mỹ Phước I, tỉnh Bình Dương. Giai đoạn 1 Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất bánh bông lan kem Hura cao cấp nguồn gốc châu Âu công suất 10 tấn/ngày.



- Công ty Cổ Phần Bánh Kẹo Biên Hòa chính thức đổi tên thành "Công Ty Cổ Phần Bibica" kể từ ngày 17/1/2007.
- Tại Đại hội cổ đông bất thường ngày 22/9/2007, Công ty đã điều chỉnh và bổ sung kế hoạch phát hành 9,63 triệu cổ phần giai đoạn 2 trong tổng số 11,4 triệu cổ phần phát hành thêm trong năm 2007 của Công ty.
- Ngày 4/10/2007, Lễ ký kết Hợp đồng Hợp tác chiến lược giữa Bibica và Lotte đã diễn ra, theo chương trình hợp tác, Bibica đã chuyển nhượng cho Lotte 30% tổng số cổ phần (khoảng 4,6 triệu cổ phần). Tập đoàn Lotte - Hàn Quốc là 1 trong những tập đoàn bánh kẹo lớn nhất tại châu Á, sau khi trở thành đối tác chiến lược, Lotte hỗ trợ Bibica trong lĩnh vực công nghệ, bán hàng và tiếp thị, nghiên cứu phát triển; phối hợp với Bibica thực hiện dự án Công ty Bibica Miền Đông giai đoạn 2 (Bình Dương) tạo điều kiện giúp Bibica mở rộng và phát triển kinh doanh trong lĩnh vực

bánh kẹo và trở thành một trong những công ty sản xuất kinh doanh bánh kẹo hàng đầu Việt Nam. Đồng thời, Lotte cung cấp cho Bibica sự hỗ trợ thương mại hợp lý để Bibica nhập khẩu sản phẩm của Lotte, phân phối tại Việt Nam, cũng như giúp Bibica xuất khẩu sản phẩm sang Hàn Quốc.

- Từ cuối năm 2007, Bibica đầu tư vào tòa nhà 443 Lý Thường Kiệt, TP.HCM. Địa điểm này trở thành trụ sở chính thức của Công ty từ đầu năm 2008.
- Tháng 3/2008, Đại hội cổ đông thường niên của Bibica được tổ chức, lần đầu tiên có sự tham dự của cổ đông lớn Lotte.

Đại hội đã thông qua Ban lãnh đạo mới, trong đó:

- Ông Dong Jin Park đại diện phần vốn Lotte giữ chức chủ tịch HĐQT.
- Ông Trương Phú Chiến giữ vị trí phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Cty CP Bibica kể từ ngày 01/3/2008
- Tháng 03/2009, Đại hội cổ đông thường niên của Bibica được tổ chức, đại hội đã thông qua ban lãnh đạo mới, trong đó: Ông Jung Woo, Lee đại diện phần vốn Lotte giữ chức Chủ tịch HĐQT
- Tháng 04/2009 Công ty khởi công xây dựng dây chuyền sản xuất bánh Chocopie cao cấp tại Bibica Miền Đông, đây là dây chuyền được đầu tư trên cơ sở sự hợp tác của Bibica và đối tác chiến lược là Tập đoàn Lotte Hàn Quốc, sản xuất bánh Chocopie theo công nghệ của Lotte Hàn Quốc. Dây chuyền Chocopie là dây chuyền liên tục, đồng bộ, hiện đại hàng đầu Châu Á. Tổng vốn đầu tư cho giai đoạn 2 khoảng 300 tỉ đồng, chính thức đi vào hoạt động vào cuối tháng 02/2010.
- Tháng 10/2009 Công ty đã đầu tư xây dựng khu nhà tập thể cho CBCNV tại Bibica Miền Đông, tại KCN Mỹ Phước 1, Bến Cát, Bình Dương với số vốn đầu tư khoảng 5 tỉ đồng, dự kiến đưa vào sử dụng trong tháng 03/2010.
- Tháng 11/2009 Công ty mạnh dạn đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống văn phòng điện tử M-Office nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tiết giảm tối đa các chi phí về hành chính và văn phòng phẩm.

❖ **Giai đoạn 2011 đến nay: Nâng cao hiệu quả quản trị Công ty, trở thành công ty sản xuất bánh kẹo hàng đầu tại Việt Nam**

- Với tầm nhìn trở thành công ty sản xuất bánh kẹo hàng đầu Việt Nam, với doanh số 3.000 tỉ và chiếm thị phần 30% vào năm 2018, trong năm 2011 Công ty đã cải tổ toàn diện hệ thống bán hàng, mở thêm nhà phân phối, tăng số lượng nhân sự bán hàng và đầu tư phần mềm quản lý hệ thống bán hàng. Kết quả doanh số năm 2011 của Công ty đạt con số trên 1.000 tỉ.
- Năm 2012 Công ty tiếp tục đầu tư hệ thống quản lý bán hàng DMS (quản lý online) và hoàn thiện hệ thống đánh giá cho lực lượng bán hàng và nhà phân phối.
- Cũng trong năm 2012 Công ty nâng cấp hệ thống quản trị tổng thể doanh nghiệp ERP lên phiên bản ERP R12 với kinh phí 4 tỉ đồng và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 12/2012.
- Cho tới nay, Công ty CP Bibica đã được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt nam chất lượng cao suốt 14 năm liên tục.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa.



Hộp kẹo dẻo Bibica (Gummy)
Hộp kẹo cứng Bibica (Hard Candy)



Hộp kẹo Michoco (Chocolate)



01 Hộp kẹo Bibica
(Candy)



04 Hộp kẹo Bibica
(Candy)



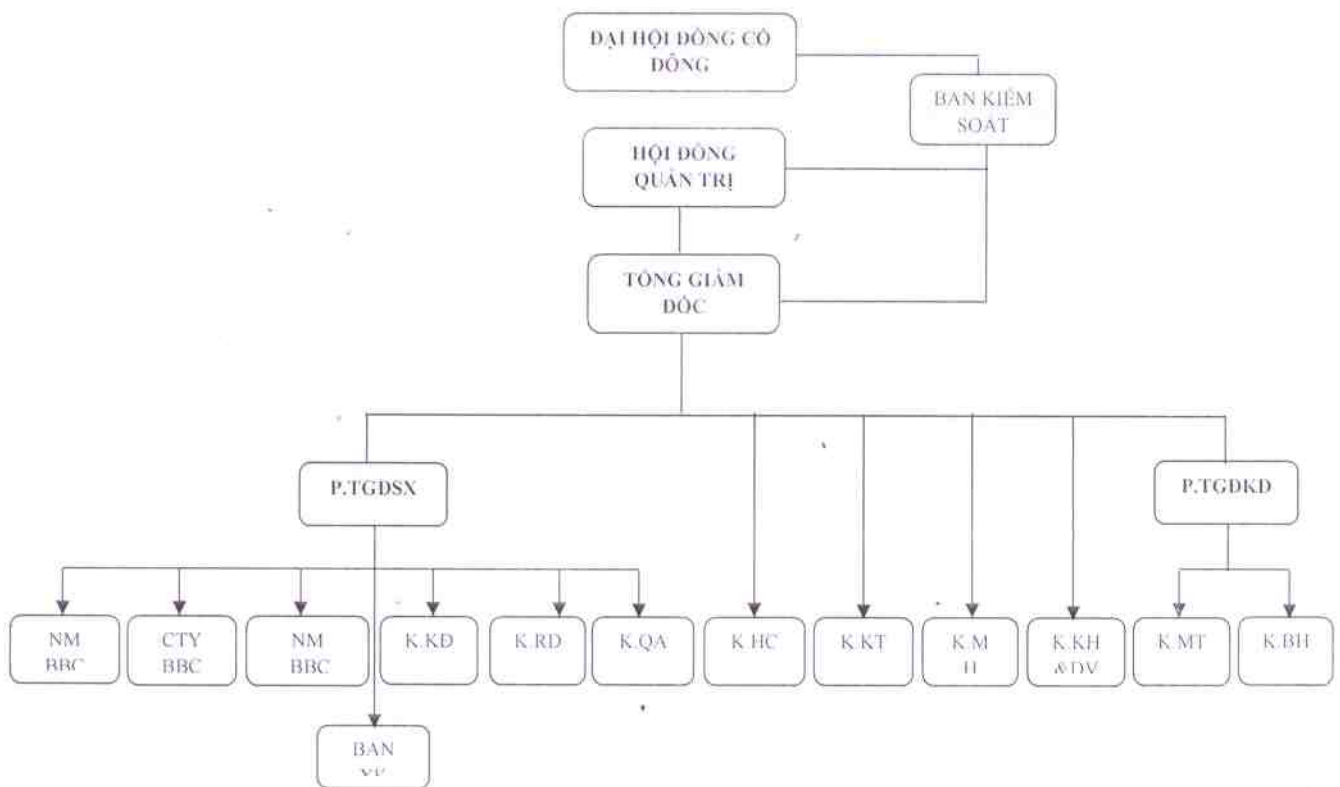
03 Hộp kẹo Bibica
(Candy)



02 Hộp kẹo Bibica
(Candy)

- Địa bàn kinh doanh: Bibica hiện có 117 Nhà phân phối và đại lý tại khắp các tỉnh thành trên toàn quốc và xuất khẩu sang các thị trường châu á, châu âu, châu mỹ

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



1. Định hướng phát triển

- **Tầm nhìn: ĐẾN NĂM 2018 TRỞ THÀNH CÔNG TY BÁNH KẸO HÀNG ĐẦU VIỆT NAM**
 - Doanh thu : 3.000 tỷ đồng
 - Thị phần : 30%
- **Sứ mạng:**
 - Lợi ích người tiêu dùng : Giá trị dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm
 - Lợi ích xã hội : Mang đến 1000 nụ cười, 1000 xuất học bổng, 100 phòng học
- **Kế hoạch 3 năm 2013 – 2015:**

2013	2015	2014
Doanh thu: 1.338 tỷ - Đầu tư dây chuyền sản xuất bánh tại Hưng Yên với công suất 20 tấn/ngày - Phát triển kênh bán hàng trực tiếp và kênh bán hàng đặc thù HOREKA, trường học - Tập trung củng cố phát triển thị trường HCM, Hà Nội - Gia tăng độ phủ tại trung tâm Tp & thị xã. - Xây dựng nhóm 30 SKUs chủ lực chiếm 50% doanh thu toàn Cty	Doanh thu: 1.985 tỷ - Khai thác 90% công suất dây chuyền ChocoPie - Khai thác 80% công suất dây chuyền mới đầu tư vào quý 4.2013. - Đầu tư thêm và đưa vào khai thác 2 dây chuyền sản xuất bánh tại Hưng Yên với công suất 10 tấn/ngày. - Nâng cấp hệ thống phân phối chiến lược của Bibica. - Xây dựng hệ thống phân phối tại Myanmar.	Doanh thu: 2.415 tỷ - Đầu tư thêm 2 chuyền sản xuất bánh tại Hưng Yên với công suất 15 tấn/ngày. - Khai thác 90% công suất các dây chuyền đầu tư trong năm 2013 & 2014 - Tiếp tục nâng cấp hệ thống phân phối chiến lược của Bibica.

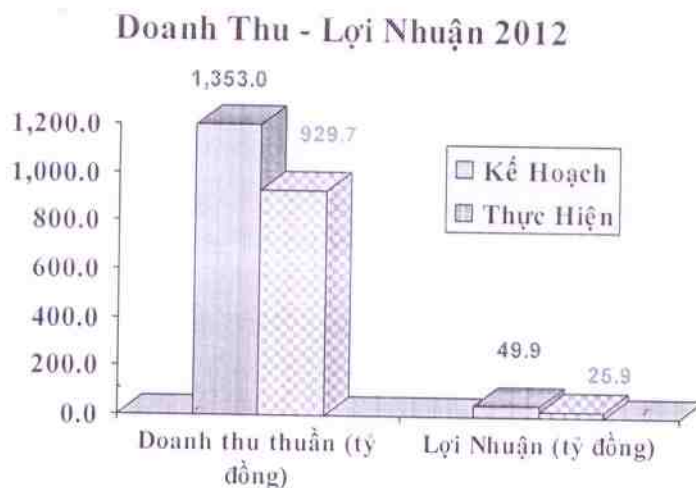
II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

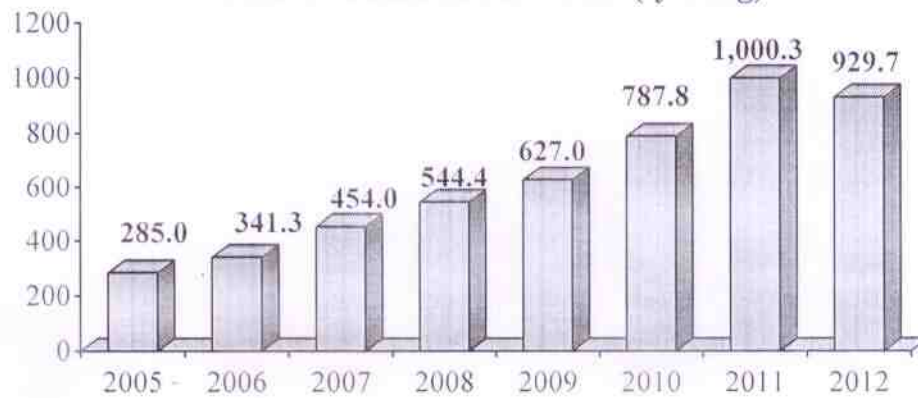
- Năm 2012 tình hình kinh tế xã hội nước ta tiếp tục bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn kinh tế thế giới do khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở Châu Âu chưa được giải quyết. Hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu bị tác động mạnh, giá cả hàng hóa diễn biến phức tạp. Tăng trưởng của các nền kinh tế đầu tàu suy giảm kéo theo sự sụt giảm của các nền kinh tế khác. Những bất lợi từ sự sụt giảm của kinh tế thế giới ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống dân cư trong nước. Thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, hàng tồn kho ở mức cao, sức mua trong dân giảm. Điều này cũng đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của Công ty, doanh số chỉ đạt 93% so với năm 2011.
- Trong điều kiện khó khăn trên nhằm kích thích mua hàng của các điểm bán và ổn định đội ngũ bán hàng Công ty có nhiều giải pháp tăng thêm chi phí hỗ trợ, khuyến mãi do đó ảnh hưởng giảm TSLN so với trước.

- Giá nguyên vật liệu đầu vào tương đối ổn định. Trong năm 2012 Cty tiếp tục nhận được hạn mức nhập khẩu đường 1000 tấn, với giá bình quân nhập về thấp hơn giá đường nội địa 10%.
- Dây chuyền sản xuất bánh Lottepie ở NM Bibica Miền đông gặp sự cố hỏa hoạn phải ngưng sản xuất để sửa chữa đến tháng 2/2012 đã hoạt động lại. Tổng chi phí phục hồi 155 tỉ đồng, đã được bảo hiểm bởi Công ty bảo hiểm Dầu khí. Hiện nay hai bên vẫn chưa thống nhất giá trị đền bù và đang chờ các cơ quan chức năng phân xử. Điều này cũng ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động Công ty, tăng CP tài chính.
- Tình hình sản xuất tại các Nhà máy Cty ổn định, thu nhập bình quân của người lao động tăng 30%.
- Tình hình xuất khẩu tăng trưởng âm 20% do không thống nhất được giá xuất sản phẩm Chocopie với Lotte.
- Tình hình tài chính lành mạnh, không chịu áp lực vay với lãi suất cao.

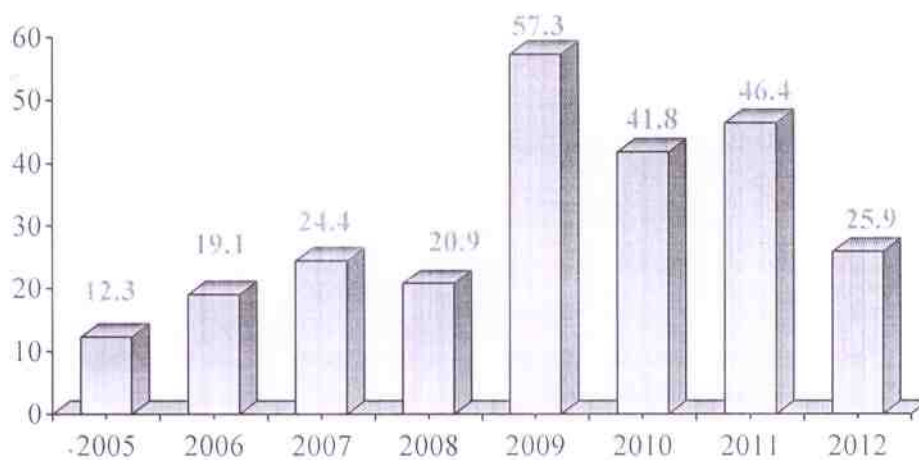
2. *Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính & lợi nhuận so với KH):*



Biểu đồ doanh thu các năm (tỷ đồng)



Biểu Đồ Lợi Nhuận (tỷ đồng)



3. Tổ chức và nhân sự

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm công tác
1.	Ông Trương Phú Chiến	1964	Tổng Giám đốc Công ty	Cử nhân Kinh tế	25 năm
2.	Ông Phan Văn Thiện	1965	Phó TGD Kinh doanh	Kỹ sư Nhiệt	21 năm
3.	Ông Nguyễn Quốc Hoàng	1967	Phó TGD Sản xuất	Cử nhân QTKD	20 năm
4.	Ông Seok Hoon Yang	1967	Giám Đốc tài Chính	Kỹ sư Hóa TP	22 năm
5.	Bà Ngô Thị Kim Phụng	1981	Kế Toán trưởng	Cử nhân QTKD	07 năm
6.	Ông Trần Đức Tuyển	1968	Giám Đốc Khối KH&DV	Cử nhân TCKT	17 năm
7.	Ông Nguyễn Công Thành	1975	Giám đốc Khối HCNS	Cử nhân kinh tế	13 năm
8.	Ông Trần Ngọc Vũ Huy	1970	Giám đốc Khối Mua hàng	Kỹ sư BHLĐ	17 năm
9.	Ông Nguyễn Trọng Kha	1972	Giám đốc Khối NCPT	Cử nhân QTKD	16 năm

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm công tác
10.	Ông Đạo Ngọc Huy	1972	Giám Đốc Khối KTĐT	Kỹ sư Điện CN	17 năm
11.	Ông Nguyễn Văn Bình	1962	Giám Đốc NM Bibica Biên Hòa	Kỹ sư Cơ khí	24 năm
12.	Ông Lê Xuân Dũng	1966	Giám đốc Công ty Bibica Miền Đông.	Kỹ sư Cơ khí Cử nhân QTKD	18 năm
13.	Ông Đặng Văn Đường	1975	Giám đốc NM Bibica Hà Nội	Kỹ sư Điện CN	12 năm
14.	Ông Trần Ngọc Dũng	1978	Giám đốc bán hàng toàn quốc	Thạc sỹ QTKD	12 năm
15.	Ông Ngô Hồng Thái	1976	Giám đốc bán hàng Miền Bắc.	Cử nhân QTKD	14 năm

Tình hình thay đổi nhân sự trong ban điều hành:

Trong năm 2012 tình hình nhân sự Công ty có thay đổi như sau:

Nhân sự nghỉ việc:

- Ông Võ Thanh Hùng - Giám đốc Khối KH, nghỉ việc từ ngày 23/07/2012
- Ông Vương Thanh Long – Giám đốc Khối Marketing, nghỉ việc từ ngày 01/10/2012

Nhân sự bổ nhiệm mới:

- Bà Huỳnh Thị Xuân Lan – Phó Giám Đốc Khối KH&DV, kể từ ngày 11/12/2012
- Ông Bùi Minh Quý - Phó Giám đốc Khối TCKT, kể từ ngày 15/12/2012

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a. Số lượng cán bộ, công nhân viên (bao gồm cả lực lượng bán hàng):

Các chỉ tiêu chính	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Lao động bình quân năm	1,437	1,677	1,781	1,626	1,764
Quỹ lương, thưởng thực hiện (tỷ đồng)	46.04	72.61	91.26	107.48	124.86
BQ thu nhập (đồng/người/tháng)	2,930,696	4,569,094	4,742,640	6,145,557	6,883,425
- Trong đó lương	2,584,896	3,874,991	3,944,710	4,667,668	5,678,996
- Thưởng và các thu nhập khác	345,800	694,103	797,930	1,477,889	1,204,429

b. Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc (Tính đến tháng 12/2012):

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ:		
Trên đại học	5	0.28%
Đại học	248	14.06%
Cao đẳng	93	5.27%
Trung cấp, CNKT lành nghề	567	32.14%
Lao động phổ thông	851	48.24%
Theo tính chất công việc:		
Lao động trực tiếp sản xuất	715	40.33%

Lao động gián tiếp, phục vụ sản xuất	462	26.19%
Lao động lực lượng bán hàng toàn quốc	587	33.28%

c. Chính sách đối với người lao động:

Chính sách tiền lương, thưởng:

- Trong năm 2012 Công ty ban hành chính sách lương gắn với hiệu quả công việc của Cán bộ công nhân viên (CBCNV), cụ thể:
 - Đối với Cán bộ quản lý (CBQL) từ cấp trưởng bộ phận trở lên áp dụng trả lương theo KPI, trong đó KPI chiếm 20%. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, các đơn vị xây dựng 5 chỉ tiêu KPI, hàng tháng Ban TGD trực tiếp đánh giá KPI của các đơn vị.
 - Đối với công nhân viên trực tiếp sản xuất từ cấp trưởng ca sản xuất trở xuống áp dụng chính sách lương theo đơn giá sản phẩm. Lương sản phẩm sẽ được tính theo chuyên / phân xưởng trên cơ sở sản lượng sản xuất trong tháng và đơn giá sản phẩm công ty đã ban hành
 - Đề tăng thu nhập và giải quyết lao động trong thời gian cao điểm, trong năm 2012 Công ty tiếp tục áp dụng chính sách phụ cấp chuyên cần, mức phụ cấp 400,000 đồng/người/tháng nếu đánh giá đạt loại A và 200,000 đồng/người/tháng nếu đánh giá đạt loại B.
- Công ty đã ban hành chính sách thưởng năm 2012 số 0096/TB-TGD ngày 01/02/2012:
 - Thưởng cá nhân: thưởng quý, thưởng CBQL, thưởng tháng 13, 14, cơ sở xét thưởng là kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả đánh giá cá nhân, đối với cán bộ quản lý đánh giá theo KPI, các nhân viên còn lại đánh giá theo 5 tiêu chí.
 - Thưởng tập thể: đưa ra mức thưởng, căn cứ các tiêu chí đánh giá để các đơn vị tự phân đầu gồm: chấp hành nội quy, thực hiện ISO, 5S và các kiến nghị và đề xuất tiết kiệm, hợp lý hóa sản xuất và nâng cao hiệu quả quản lý.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các hạng mục đầu tư lớn:

- Đầu tư thiết bị mở rộng công suất sản xuất kẹo dẻo từ 40 lên 80 tấn/tháng tại Nhà Máy Bibica Biên Hoà. Tháng 6/2012 đã nâng công suất lên 60 tấn/tháng, đến tháng 3/2013 nâng công suất đạt 80 tấn/tháng.
- Đầu tư dây chuyền kẹo Lolipop nhằm mở rộng sản xuất và đa dạng hoá sản phẩm kẹo tại Nhà Máy Bibica Biên Hoà công suất 5.8 tấn/ ngày (1750 tấn/ năm). Dự án đã đưa vào hoạt động sản xuất từ tháng 10/2012.
- Đầu tư một số máy dán thùng-in thùng nhằm hợp lý hoá sản xuất khâu đóng gói hoàn tất của các phân xưởng ở Nhà Máy Bibica Biên Hoà.
- Đầu tư thiết bị tạo khí nitơ cho dây chuyền Layer cake Nhà Máy BiBiCa Miền Đông nâng cao chất lượng và kéo dài tuổi thọ bảo quản sản phẩm bánh tươi layer cake Hura

Bảng tổng hợp giá trị quyết toán đầu tư năm 2012

STT	HẠNG MỤC	Địa điểm đầu tư	Số lượng	Giá trị kế hoạch năm 2012	Giá trị thực hiện thực tế 2012
	Hạng mục từ 2011 chuyển sang			188.403.000.000	3.162.857.827
1	DA Hưng Yên	C.Ty BiBiCa Miền Bắc	1	177.903.000.000	653.038.707

STT	HẠNG MỤC	Địa điểm đầu tư	Số lượng	Giá trị kế hoạch năm 2012	Giá trị thực hiện thực tế 2012
		TNHH			
2	Nâng cấp ERP	VPCT	1	10.500.000.000	2.509.819.120
Hạng mục kế hoạch 2012				23.253.777.000	15.891.823.073
1	Cải tạo mặt bằng tăng năng suất kẹo dẻo từ 40 lên 80 tấn	NMBH	1	6.726.993.000	1.583.245.272
2	Dây chuyền kẹo Lolipop	NMBH	1	14.161.984.000	12.675.977.341
3	Thiết bị lẻ			1.182.400.000	816.300.230
3.1	Máy dán thùng BH	NMBH	4	176.400.000	107.064.800
3.2	Máy indate thùng BH	NMBH	7	367.500.000	77.656.800
3.3	Máy indate thùng MĐ	NMMĐ	1	52.500.000	39.968.400
3.4	HT bơm khí nitơ layer cake MĐ	NMMĐ	1	336.000.000	334.705.230
3.5	HT bơm kem Hura deli 2 hương	NMMĐ	1	250.000.000	256.905.000
Hạng mục phát sinh				2.000.000.000	826.838.700
1	Phần mềm quản lý NPP	VPCT		2.000.000.000	826.838.700
Tổng cộng				213.656.777.000	18.805.534.630

b) Công bố và cam kết

• *Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2012:*

Theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2012, HĐQT đã triển khai thực hiện :

- Nội dung 01: Đã thông qua báo cáo tài chính năm 2011.
- Nội dung 02: Đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận 2012 theo nghị quyết ĐHCĐ
- Nội dung 03: Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2012; kết quả tham khảo phục lục đính kèm
- Nội dung 04: Đã thực hiện các hạng mục sau (chi tiết báo cáo đầu tư 2012):
 - Đầu tư tại văn phòng Công ty: Nâng cấp hệ thống quản trị doanh nghiệp tổng thể ERP lên phiên bản R12 và đầu tư hệ thống quản lý bán hàng DMS.
 - Đầu tư tại NM Bibica Biên Hòa: Đầu tư dây chuyền kẹo Lolipop, chính thức đưa vào khai thác từ tháng 10/2012 và nâng công suất kẹo dẻo từ 40 tấn lên 60 tấn/tháng từ tháng 06/2012.

- Đầu tư tại Cty Bibica Miền Đông: đầu tư thiết bị lẻ bao gồm hệ thống tạo khí nitơ, hệ thống trộn bơm kem Hura deli 2 hương, máy dán thùng, các hạng mục này đã hoàn thành trong năm 2012.
- Riêng dự án Hưng Yên: Trong năm 2012 chưa thực hiện
- Nội dung 06: Đã bầu lại 1 thành viên HĐQT, kết quả không đạt
- Nội dung 07: Bầu lại 1 thành viên Ban kiểm soát, kết quả đạt
- Nội dung 08: HĐQT và BKS đã lựa chọn Công ty Kiểm toán VACO.
- Nội dung 09: Thù lao HĐQT: 1,5% lợi nhuận sau thuế cho 5 thành viên, đã thực hiện xong
- Nội dung 10: Đã thực hiện thù lao BKS: 7.000.000 đồng/tháng/03 thành viên

5. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	768,377,979,362	788,698,058,995	2.6%
Doanh thu thuần	1,000,223,017,040	929,653,195,745	-7.1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	53,605,427,912	28,952,211,850	-46.0%
Lợi nhuận khác	1,723,696,809	3,511,788,290	103.7%
Lợi nhuận trước thuế	55,329,124,721	32,464,000,140	-41.3%
Lợi nhuận sau thuế	46,369,336,076	25,885,584,791	-44.2%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,007	1,679	-44.2%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả năm 2011	Kết quả năm 2012
I	<u>Khả năng sinh lời</u>			
1	Hệ số lợi nhuận trên doanh số thuần	%	4.64	2.78
2	Hệ số lợi nhuận trên vốn cổ phần	%	30.07	16.79
3	Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản	%	5.90	3.37
II	<u>Khả năng thanh toán</u>			
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2.01	2.03
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.39	1.35
III	<u>Hiệu quả hoạt động</u>			
	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	30.44	20.23
	Vòng quay khoản phải thu	Lần	4.35	4.62
	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5.88	5.53
	Vòng quay tài sản cố định	Lần	2.91	2.49
	Vòng quay tổng tài sản	Lần	1.27	1.21
IV	<u>Cơ cấu vốn</u>			
	Hệ số nợ trên tổng tài sản	%	26.95	24.62
	Hệ số nợ trên vốn cổ phần	%	137.41	122.68
	Hệ số nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu	%	0.44	0.30

V	Khả năng thanh toán lãi vay	Lần	9.22	69.88
	<u>Chứng khoán</u>			
1	Cổ phiếu đang lưu hành	CP	15,420,782	15,420,782
	Trong đó :			
	- Cổ phiếu thường	CP	15,420,782	15,420,782
	- Cổ phiếu ưu đãi	CP		
	- Cổ phiếu ...	CP		
2	Trái phiếu đang lưu hành	TP		
	Trong đó :			
	- Trái phiếu chuyển đổi	TP		
	- Trái phiếu không chuyển đổi	TP		
	- Trái phiếu ...	TP		
3	Thư giá (BPS : Book Value Per Share)	Đồng	29,631	29,631
4	Thị giá (MPS : Market Price Per Share)	Đồng	12,300	18,800
5	Lợi nhuận trên vốn cổ phần (ROE)	%	8.07	4.47
6	Thu nhập trên cổ phần (EPS:Earning Per Share)	Đồng	3,007	1,679
7	Chỉ số P/E		4.09	11.20
8	Cổ tức được chia (DPS : Divident Per Share)		Chưa QĐ	Chưa QĐ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả năm 2011	Kết quả năm 2012
VI	Những thay đổi về vốn cổ đông			
1	Vốn điều lệ :	Đồng		
	- Đầu năm	Đồng	154,207,820,000	154,207,820,000
	- Tăng/giảm trong năm	Đồng	0	0
	- Cuối năm	Đồng	154,207,820,000	154,207,820,000
2	Vốn thặng dư :	Đồng		
	- Đầu năm	Đồng	302,726,583,351	302,726,583,351
	- Tăng/giảm trong năm	Đồng	0	0
	- Cuối năm	Đồng	302,726,583,351	302,726,583,351

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT năm 2012

STT	Họ và tên	24/02/2010	24/03/2011	24/03/2012	16/01/2013
1	Jung Woo, Lee (đại diện Lotte)	5,953,000	5,953,000	5,953,000	5,953,000
2	Trương Phú Chiến	75,195	75,195	114,075	118,075
3	Võ Ngọc Thành	250,000	250,000	289,000	302,500
4	Jeong Hoon Cho (đại diện Lotte)	0	0	0	0

5	Nguyễn Ngọc Hòa	0	0	0	0
	Tổng cộng	6,328,142	6,328,142	6,356,075	6,373,575

b. Cơ cấu cổ đông:

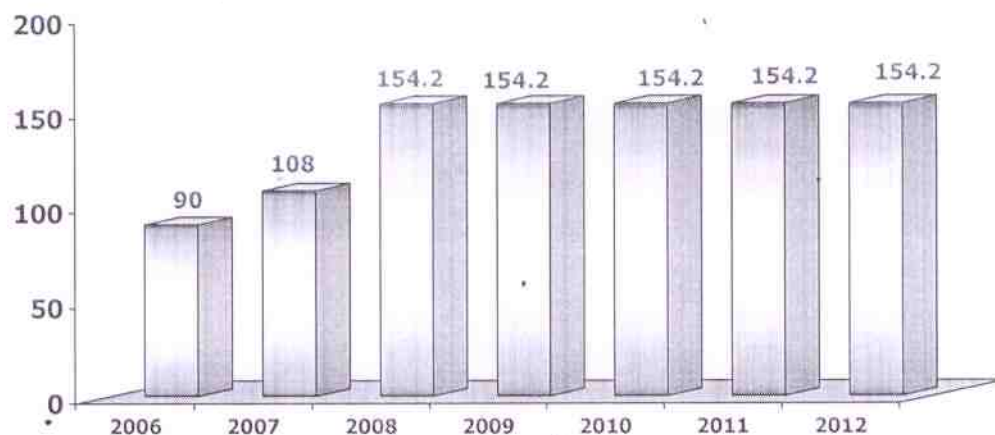
Tổng số CP	Cá nhân		Tổ chức		Tổng Số lượng		Tổng số CP	Tỷ lệ
	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Đã lưu ký		
Trong nước	28,518	4,344,242	0	3,501,849	28,518	7,846,091	7,874,609	51%
Nước ngoài	0	527,929	4,650,000	2,368,244	4,650,000	2,896,173	7,546,173	49%

Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông lớn:

STT	HỌ TÊN NGƯỜI SỞ HỮU CK	SLCK NĂM GIỮ ĐẾN 16/01/2013	TỈ LỆ
1	LOTTE CONFECTIONERY CO.,LTD	5,953,000	38.6%
2	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	3,081,020	20.0%
3	ALBIZIA ASEAN OPPORTUNITIES FUND	685,810	4.4%
4	Lương Thị Thùy Liên	620,260	4.0%
5	Võ Ngọc Thành	302,500	2.0%
6	POLUNIN DISCOVERY FUNDS-FRONTIER MARKETS	224,620	1.5%
7	Nguyễn Thị Kim Liên	208,250	1.4%
8	Cty TNHH Một Thành Viên TV-ĐT An Khánh	207,520	1.3%
9	Kim Heung Soo	181,322	1.2%
10	Trương Phú Chiến	118,075	0.8%
11	Hoàng Đức Hòa	110,000	0.7%
12	Công ty cổ phần Đầu tư bất Động sản SSI	104,330	0.7%

Tổng số cổ phần phổ thông: 15,420,782 cổ phần.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:



III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả kinh doanh năm 2012 Công ty đạt thấp so với kế hoạch và cùng kỳ. Trong đó doanh thu thuần đạt 929,6 tỉ bằng 68,5% so với kế hoạch và 93% so với năm 2011. Lợi nhuận sau thuế đạt 25,88 tỉ bằng 52% so kế hoạch và 56% so với năm 2011.
- Nguyên nhân doanh thu và lợi nhuận không đạt chủ yếu là do tình hình kinh tế chung năm 2012 rất khó khăn, sức mua giảm thấp, mùa vụ cao điểm tiêu thụ tết lại rơi vào tháng 12/2011 và tháng 1/2013. Mặt khác để giảm hàng tồn kho các Nhà phân phối nên từ tháng 10/2012 CTY thay đổi chính sách quản lý trong hệ thống bán hàng theo doanh số bán ra nên không chạy theo doanh thu nhập vào như trước đây. Trong năm CTY cũng chưa triển khai được dự án đầu tư mở rộng sản xuất tại KCN Phố Nối Hưng Yên theo như kế hoạch nên không có doanh thu các sản phẩm mới.

Thực hiện các chỉ tiêu năm tài chính 2012

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2012	TL	Năm 2012	Tỷ trọng
1. DT bán hàng và cung cấp dv (Triệu)	1,360,000		938,970	
<i>Trong đó doanh số xuất khẩu</i>	<i>160,000</i>	<i>11.8%</i>	<i>51,818</i>	<i>5.5%</i>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	7,000	0.5%	9,317	1.0%
3.DT thuần bán hàng và cung cấp DV:	1,353,000		929,653	
4. Giá vốn hàng bán:	986,245	72.9%	665,380	71.6%
5.Lợi nhuận gộp:	366,755	27.1%	264,273	28.4%
6. Doanh thu hoạt động tài chính:	12,000	0.9%	1,780	0.2%
7. Chi phí tài chính:	10,322	0.8%	-357	0.0%
Trong đó: <i>Chi phí lãi vay</i>	<i>9,000</i>	<i>0.7%</i>	<i>471</i>	<i>0.1%</i>
8.Chi phí bán hàng:	243,861	18.0%	191,549	20.6%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp:	65,197	4.8%	45,909	4.9%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD:	59,375	4.4%	28,952	3.1%
11. Thu nhập khác:	3,500	0.3%	7,669	0.8%
12. Chi phí khác:	500	0.0%	4,157	0.4%
13. Lợi nhuận khác:	3,000	0.2%	3,512	0.4%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	62,375	4.6%	32,464	3.5%
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:	12,475	0.9%	6,578	0.7%
Tổng chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp:	12,475	0.9%	6,578	0.7%
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN:	49,900	3.7%	25,886	2.8%
<i>Trong đó lợi nhuận xuất khẩu</i>	<i>5,774</i>	<i>0.43%</i>	<i>4,982</i>	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	3,223		1,672	

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

- Tài sản hữu hình: Tại ngày 31/12/2012, nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 97.298.282.483 VND (tại ngày 31/12/2011 là 79.720.216.198 VND).
- Tài sản vô hình: Tại ngày 31/12/2012, nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 1.475.645.108 VND

b. Tình hình nợ phải trả

- Ảnh hưởng của nợ phải thu xấu không đáng kể chỉ chiếm 0,5% công nợ
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái không ảnh hưởng lớn do Công ty có nguồn thu ngoại tệ từ xuất khẩu đảm bảo nguồn cho nhập khẩu nguyên liệu

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Triển khai giao chỉ tiêu, đánh giá hiệu quả công việc và trả lương KPI cho các cấp từ trường bộ phận trở lên
- Áp dụng chính sách lương theo đơn giá sản phẩm cho các cấp từ trường ca trở xuống tại các nhà máy

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng phát triển năm 2013:

- Theo những đánh giá và nhận định gần đây cho thấy khả năng kinh tế thế giới trong năm 2013 sẽ tiếp tục có nhiều khó khăn do sụt giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu và bất ổn gia tăng, điều đó cũng sẽ tác động không nhỏ đến kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên Chính phủ cũng đang có những giải pháp quyết liệt để ổn định vĩ mô, kiềm chế lạm phát, giữ mức tăng trưởng ổn định với GDP 5,5%, lạm phát dưới 8%. Các doanh nghiệp sẽ được hỗ trợ nhiều hơn về vốn, lãi suất và chính sách để duy trì và phát triển sản xuất.
- Mặc dù tình hình sẽ có nhiều khó khăn nhưng cũng là cơ hội để phát triển của các doanh nghiệp có thương hiệu và hệ thống phân phối tốt do đó năm 2013 Cty đặt mục tiêu tăng trưởng cao về thị phần với doanh số là 1350 tỉ đồng, tăng 44% so với năm 2012. Trong đó sẽ tập trung rà soát phát triển khoảng 30 sản phẩm chủ lực có doanh số và hiệu quả cao, tinh giảm triệt để các sản phẩm yếu hiệu quả thấp, nâng TSLN bình quân lên gấp đôi so với hiện nay.
- Phát triển thị trường nội địa của Bibica:
 - Thị phần nội địa BBC : mỗi năm tăng 2 - 4% thị phần bánh kẹo so với năm trước (năm 2013 đạt 20% thị phần bánh kẹo trong nước).
 - Năm 2013 Bibica tiếp tục phát triển hệ thống phân phối cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Ngoài kênh phân phối truyền thống GT, MT hiện nay sẽ phát triển thêm kênh bán hàng trực tiếp, kênh đặc thù HORECA, trường học...
 - Xây dựng thị trường Hà nội, TpHCM đạt mục tiêu : doanh số chiếm 30% doanh số miền, đạt độ phủ 80% điểm bán.
 - Gia tăng thị phần tại các trung tâm thành phố, thị xã chiếm tối thiểu 40-50% doanh số khu vực.
 - Chú trọng phát triển kênh siêu thị tăng tỷ trọng doanh số của kênh này lên 15% trong tổng doanh số.

Kế hoạch đầu tư năm 2013

Stt	Hạng mục	Giá trị (triệu đồng)	Ghi chú
I	Các dự án 2012 chuyển sang năm 2013		
1	Dự án Hưng Yên giai đoạn 1	177,903.3	Dây chuyền bánh 20 tấn/ngày
2	Phần mềm quản lý NPP online (2 giai đoạn)	1,173.2	
3	Nâng cấp ERP	1,825.8	
4	Cải tạo tăng năng xuất kẹo dẻo tăng từ 40 lên 80 tấn/tháng	5,143.7	Công suất 3 tấn/ngày
II	Các dự án đầu tư mới năm 2013		
1	Dự án nâng cấp chuyển đổi lò hơi đốt ghi sang lò đốt tầng sôi	5,000.0	Công suất 12 tấn/h-10 bar
2	Dự án nâng cấp dây chuyền biscuit NMHN	7,000.0	Công suất 8 tấn/ngày
3	Dự án nâng cấp hệ thống chữa cháy NMBH	2,000.0	

4	Đầu tư thiết bị cải tiến chất lượng sản phẩm pie	7,350.0	Công suất 20 tấn/ngày
III	Các thiết bị lễ đầu tư năm 2013	5,053.5	
	Tổng cộng	212,449.5	

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013

Chỉ tiêu	Năm 2012	Tỷ trọng	KH 2013	Tỷ trọng
Sản lượng sản xuất. (tấn)	17,846		22,784	
- Bánh các loại	6,084	34.1%	8,032	35.3%
- Kẹo các loại	5,005	28.0%	6,238	27.4%
- Sản phẩm dinh dưỡng	555	3.1%	903	4.0%
- Bánh tươi, Mạch nha, Sosola	6,105	34.2%	6,469	28.4%
- Sản phẩm mới	98	0.5%	1,142	5.0%
Sản lượng tiêu thụ (Tấn)	14,150		19,411	
- Bánh các loại	5,972	42.2%	8,032	41.4%
- Kẹo các loại	4,916	34.7%	6,238	32.1%
- Sản phẩm dinh dưỡng	564	4.0%	904	4.7%
- Bánh tươi, Mạch nha, Sosola	2,600	18.4%	3,080	15.9%
- Sản phẩm mới	79	0.6%	1,142	5.9%
- Sản phẩm nhập khẩu	19	0.1%	15	0.1%
Các chỉ tiêu tài chính				
1. DT bán hàng và cung cấp dv (Triệu)	938,970		1,350,000	
Trong đó doanh số xuất khẩu	51,818	5.5%	85,000	6.3%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	9,317	1.0%	11,855	0.9%
3. DT thuần bán hàng và cung cấp DV:	929,653		1,338,145	
4. Giá vốn hàng bán:	665,380	71.6%	943,725	70.5%
5. Lợi nhuận gộp:	264,273	28.4%	394,420	29.5%
6. Doanh thu hoạt động tài chính:	1,780	0.2%	2,500	0.2%
7. Chi phí tài chính:	-357	0.0%	3,714	0.3%
Trong đó: Chi phí lãi vay	471	0.1%	3,000	0.2%
8. Chi phí bán hàng:	191,549	20.6%	263,484	19.7%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp:	45,909	4.9%	55,640	4.2%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD:	28,952	3.1%	74,083	5.5%
11. Thu nhập khác:	7,669	0.8%	2,500	0.2%
12. Chi phí khác:	4,157	0.4%	2,000	0.1%
13. Lợi nhuận khác:	3,512	0.4%	500	0.0%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:	32,464	3.5%	74,583	5.6%
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:	6,578	0.7%	14,043	1.0%
Tổng chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp:	6,578	0.7%	14,043	1.0%
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN:	25,886	2.8%	60,540	4.5%
Trong đó lợi nhuận xuất khẩu	4,982		6,802	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	1,672		3,910	

IV. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

a. Nhiệm kỳ năm 2012

Stt	Họ và tên	Năm 2011	Ghi chú
I	Hội Đồng Quản Trị	05 thành viên	
1	Jung Woo, Lee	Chủ tịch	Kiêm Tổng Giám Đốc từ 01/03/2008 Thành viên Thành viên độc lập
2	Trương Phú Chiến	Phó Chủ tịch	
3	Võ Ngọc Thành	Thành viên	
4	Jeong Hoon Cho	Thành viên	
5	Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên	
II	Ban kiểm soát	03 thành viên	
1	Lê Hoài Nam	Trưởng Ban	
2	Trần Quốc Việt	Thành viên	
3	Trần Lê Việt Hùng	Thành viên	

- HĐQT bổ nhiệm Ông Jung Woo, Lee làm Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Cty Cổ phần Bibica kể từ ngày 28/03/2009
- HĐQT bổ nhiệm Ông Trương Phú Chiến giữ chức vụ Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc Cty Cổ phần Bibica kể từ ngày 01/03/2008.

b. Thù lao HĐQT:

Trong năm 2012, số lượng thành viên HĐQT là 05 thành viên, tổng mức thù lao HĐQT theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2012 là 1,5% lợi nhuận sau thuế. Căn cứ kết quả báo cáo kiểm toán tài chính năm 2012 lợi nhuận trước thuế của Công ty là 25.885.584.791 đồng, tổng mức thù lao cho các thành viên HĐQT là 1,5% tương đương 472.283.772 đồng/năm. Tổng thù lao thành viên HĐQT đã thực hiện trong năm 2012 là 188.802.025 đồng

Stt	Họ và tên	Thù lao	Đã thanh toán	Còn lại	Ghi chú
	<u>Hội Đồng Quản Trị</u>				
1	Jung Woo Lee	100,953,781	32,708,527	68,245,254	
2	Trương Phú Chiến	89,305,268	28,934,466	60,370,802	
3	Võ Ngọc Thành	66,008,241	21,386,344	44,621,897	
4	Nguyễn Ngọc Hòa	66,008,241	21,386,344	44,621,897	
5	Jeong Hoon Cho	66,008,241	21,386,344	44,621,897	
	<u>Ban Kiểm Soát</u>				
1	Lê Hoài Nam	48,000,000	36,000,000	12,000,000	
2	Trần Lê Việt Hùng	18,000,000	13,500,000	4,500,000	
3	Trần Quốc Việt	18,000,000	13,500,000	4,500,000	
	Tổng số	472,283,772	188,802,025	283,481,747	

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Jung Woo Lee	Chủ tịch HĐQT	04	100%	
2	Trương Phú Chiến	PCT, HĐQT	04	100%	
3	Võ Ngọc Thành	Thành Viên	04	100%	
4	Nguyễn Ngọc Hòa	Thành Viên	02	50%	Ủy Quyền Ông Võ Ngọc Thành 1 Lần họp
5	Jeong Hoon Cho	Thành Viên	0	0%	Ủy Quyền Mr Lee (CT. HĐQT)

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc: Hiện có 1 trong 5 thành viên tham gia điều hành Công ty: Việc cung cấp thông tin và báo cáo cho các thành viên không tham gia điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.
- Tổng giám đốc báo cáo HĐQT về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh của công ty. Từ những thông tin này HĐQT có điều kiện tham gia giám sát chặt chẽ và giám sát việc triển khai các dự án đầu tư.
- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị (Tất cả NQ phát sinh trong năm):

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	0281/NQ-HĐQT	28/03/2012	Chốt danh sách cổ đông trả cổ tức
02	0552/QĐ-HĐQT	12/04/2012	Quyết định phân công hội đồng quản trị
03	0550/QĐ-HĐQT	21/05/2012	Về việc chọn công ty kiểm toán VACO
04	0546/QĐ-HĐQT	21/05/2012	Quyết định phân phối cổ phiếu thưởng
05	0551/QĐ-HĐQT	23/05/2012	Quyết định thông qua dự án đầu tư dây chuyền kẹo Lollipop tại NM Biên Hòa
06	0784/QĐ-HĐQT	07/07/2012	Quyết định thông qua kế hoạch nguồn vốn năm 2012
07		18/05/2012	TT xin bán cổ phiếu BBC đang đầu tư : Kết quả : 1. Võ Ngọc Thành, 2. Nguyễn Ngọc Hòa. 3. Trương Phú Chiến : đồng ý theo đ/n TGD Mr Lee, Mr Cho : không ý kiến, tỷ lệ 3/5
08		03/04/2012	Đầu tư nâng cấp hệ thống ERP : 12/04/12 : 03 (1. Võ Ngọc Thành, 2. Nguyễn Ngọc Hòa. 3. Trương Phú Chiến) thành viên đồng ý chọn phương án nâng cấp Oracle R12 08/05/12 : CT đề nghị làm việc trực tiếp 02 thành viên đề thuyết phục, đầu tháng 06/12 Mr Yang làm

			việc trực tiếp 02 thành viên (Mr Thành và Hòa) 16/08/12 : theo Biên bản họp HĐQT ngày 16/08, CT đề nghị đơn vị Oracle giải thích tính giá thành theo SKUs 21/08/12 : Biên bản làm việc BBC, FPT, Mr Yang (không chịu ký biên bản làm việc) 20/09/12 : TGD thông báo HĐQT triển khai DA oracle R12;
09		16/10/12	Dự án Hưng Yên : Hồ Sơ dự án đến Chủ Tịch lần 1 vào ngày 16/10/12, gửi đến thành viên HĐQT ngày 20/10/12. - Hợp HĐQT 29/11/12 Chủ Tịch thông báo đang xem hồ sơ; - Hồ sơ dự án gọi lần 2 : 30/11/12 - Bibica đã xin gia hạn giấy phép lần III và Ban QL-KCN yêu cầu khởi công vào quý I/2013 và đưa vào hoạt động quý IV 2013. - 14/12/12: Chủ Tịch gửi thư, Sản Phẩm Craker không khả thi và yêu cầu Cty tiến hành nghiên cứu Người tiêu dùng với 03 sản phẩm của Lotte.

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO.**
- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến :

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Lưu ý người đọc một số vấn đề sau:

Ngày 25/5/2011, dây chuyền sản xuất bánh Pie thuộc Công ty TNHH MTV Bibica Miền Đông (Công ty con) đã bị hỏa hoạn. Tài sản bị hỏa hoạn được Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh ("PVI") chịu trách nhiệm bảo hiểm theo Hợp đồng bảo

hiểm mọi rủi ro tài sản C21/TSKT/15/15/10 ký ngày 16/6/2010 với giá trị bảo hiểm là 220 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục đàm phán với PVI để xác định giá trị tổn thất và giá trị được đền bù theo các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm. Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả thương thảo giá trị đền bù. Khoản chênh lệch giữa giá trị tổn thất với giá trị được đền bù sẽ được ghi nhận như một khoản thu nhập hoặc chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới của Công ty.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Giá trị VNĐ	
			31/12/2012	01/01/2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		380,696,671,393	424,296,982,068
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	49,471,255,612	60,321,483,966
111	1. Tiền		27,471,255,612	13,321,483,966
112	2. Các khoản tương đương tiền		22,000,000,000	47,000,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2,851,249,601	5,000,000,000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		8,957,906,315	5,000,000,000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-6,106,656,714	0
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		201,226,866,750	227,204,535,224
131	1. Phải thu khách hàng		47,682,655,439	65,068,213,173
132	2. Trả trước cho người bán		3,846,164,790	18,346,461,915
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		0	0
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		0	0
135	5. Các khoản phải thu khác	5	155,654,539,045	144,941,936,340
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6	-5,956,492,524	-1,152,076,204
140	IV. Hàng tồn kho	7	120,092,660,181	120,841,420,630
141	1. Hàng tồn kho		122,346,015,582	122,488,395,606
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-2,253,355,401	-1,646,974,976
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7,054,639,249	10,929,542,248
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1,695,278,424	2,305,459,092
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3,990,300,525	6,892,554,942
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	707,894,068	411,818,225
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			0
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	10	661,166,232	1,319,709,989
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		387,681,307,969	364,401,076,927
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		0	0
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		0	0
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		0	0
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ		0	0
218	4. Phải thu dài hạn khác	0	0	0
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		0	0
220	II. Tài sản cố định		373,552,907,110	344,070,735,249
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	325,847,392,497	309,297,066,544

222	- Nguyên giá		565,065,524,339	514,025,137,736
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-239,218,131,842	-204,728,071,192
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		0	0
225	- Nguyên giá		0	0
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		0	0
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	1,828,495,221	1,519,953,635
228	- Nguyên giá		4,176,795,852	3,613,177,152
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-2,348,300,631	-2,093,223,517
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	45,877,019,392	33,253,715,070
240	III. Bất động sản đầu tư		0	0
241	- Nguyên giá		0	0
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		0	0
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14		4,645,772,300
251	1. Đầu tư vào công ty con		0	0
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		0	0
258	3. Đầu tư dài hạn khác			15,398,497,149
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			-10,752,724,849
260	V. Tài sản dài hạn khác		14,128,400,859	15,684,569,378
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	14,128,400,859	15,684,569,378
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		0	0
268	3. Tài sản dài hạn khác		0	0
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		768,377,979,362	788,698,058,995

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Giá trị (VNĐ)	
			31/12/2012	01/01/2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		189,181,937,715	214,390,762,223
310	I. Nợ ngắn hạn		187,431,321,715	211,857,352,483
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	1,201,997,681	876,135,746
312	2. Phải trả người bán		81,797,110,420	92,476,793,641
313	3. Người mua trả tiền trước		6,051,848,179	7,059,878,473
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	11,548,454,658	16,361,521,417
315	5. Phải trả người lao động		5,641,268,612	5,860,481,754
316	6. Chi phí phải trả	18	39,906,938,005	47,355,499,296
317	7. Phải trả nội bộ			0
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			0
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	40,630,572,283	39,735,416,279
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			0
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		653,131,877	2,131,625,877
327	12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		0	0
330	II. Nợ dài hạn		1,750,616,000	2,533,409,740
331	1. Phải trả dài hạn người bán			0
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			0
333	3. Phải trả dài hạn khác	20	1,750,616,000	1,675,616,000
334	4. Vay và nợ dài hạn			0

335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			0
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			857,793,740
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			0
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			0
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ			0
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		579,052,542,625	574,307,296,772
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	579,052,542,625	574,307,296,772
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		154,207,820,000	154,207,820,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		302,726,583,351	302,726,583,351
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			0
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			0
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			0
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			317,338,936
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		85,330,469,603	62,102,469,603
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		11,562,431,382	9,244,431,382
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			0
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25,225,238,289	45,708,653,500
421	11. Nguồn vốn đầu tư XDCB			0
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		0	0
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		0	0
432	2. Nguồn kinh phí		0	0
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		0	0
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		768,234,480,340	788,698,058,995

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
001	1. Tài sản thuê ngoài	0	0
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	0	0
003	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	0	0
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	0	0
005	5. Ngoại tệ các loại	0	0
005a	- Đô la Mỹ	383,254	29,332
005b	- Đồng tiền chung Châu Âu	14,640	15,379

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giá trị (VND)	
			Năm 2011	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1,009,282,869,841	938,970,158,431
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	9,059,852,801	9,316,962,686
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	1,000,223,017,040	929,653,195,745

4. Giá vốn hàng bán	11	25	709,972,778,184	664,229,356,533
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		290,250,238,856	265,423,839,212
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	14,809,152,705	1,780,267,833
7. Chi phí tài chính	22	27	13,463,591,909	(356,642,882)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,728,033,220	471,330,416
8. Chi phí bán hàng	24	28	191,469,964,301	191,289,446,460
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	46,520,407,439	47,319,091,617
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53,605,427,912	28,952,211,850
11. Thu nhập khác	31		5,623,241,655	7,668,865,489
12. Chi phí khác	32		3,899,544,846	4,157,077,199
13. Lợi nhuận khác	40		1,723,696,809	3,511,788,290
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55,329,124,721	32,464,000,140
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	8,959,788,645	6,578,415,349
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		46,369,336,076	25,885,584,791
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	3,007	1,679

CHỈ TIÊU	Mã số	Giá trị (VND)	
		Năm 2012	Năm 2011
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	32,464,000,140	55,329,124,721
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		37,443,890,748	
Khấu hao tài sản cố định	02	41,428,502,233	30,285,281,637
Các khoản dự phòng	03	(1,735,271,390)	(4,632,656,999)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2,637,545,516)	(7,062,134,084)
Chi phí lãi vay	06	388,205,421	6,728,033,220
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	69,907,890,888	80,647,648,495
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	36,453,656,648	(155,553,800,114)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	142,380,024	(2,854,509,974)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(22,286,173,103)	58,342,843,973
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(4,042,499,615)	(3,274,515,991)
Tiền lãi vay đã trả	13	(388,205,421)	(6,728,033,220)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5,241,209,985)	(7,512,435,033)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3,014,616,000	1,854,697,325
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(7,618,800,404)	(1,310,387,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	69,941,655,032	(36,388,491,539)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(72,160,587,951)	(6,405,449,975)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1,817,727,276	1,364,082,281
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		(292,219,877,000)

khác			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		360,224,797,000
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(54,690,000)
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	6,440,590,834	6,118,007,000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,397,056,735	12,826,184,711
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(62,505,213,106)	81,853,054,017
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	11,749,504,194	5,514,295,808
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11,423,642,259)	(64,368,720,039)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18,602,623,000)	(15,380,001,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18,276,761,065)	(74,234,425,231)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(10,840,319,139)	(28,769,862,753)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	60,321,483,966	89,081,437,503
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(9,909,215)	9,909,216
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	49,471,255,612	60,321,483,966

Xác nhận của đại diện theo pháp luật ^{val}

của Công ty



Trương Phú Chiến

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM TÀI CHÍNH 2012

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công Ty Cổ phần BIBICA.
- Căn cứ Báo Cáo Quyết toán tài chính hợp nhất năm 2012.

I. Đánh giá khái quát về tình hình hoạt động SXKD năm 2012:

- Trong năm 2012, công tác điều hành hoạt động SXKD của HĐQT và Ban Điều hành đã thực hiện theo đúng quy định tại điều lệ Công ty, không có trường hợp vi phạm điều lệ và nghị quyết ĐHCĐ đưa ra.

Khó khăn trở ngại:

- Năm 2012 được xem là một trong những năm kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn. Cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu tiếp tục sa lầy mà lối thoát thì chưa thực sự rõ ràng, kinh tế Mỹ, Nhật Bản đều không mấy khả quan. Các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil ... đều không còn giữ được phong độ tăng trưởng lạc quan như khoảng 3 – 5 năm trước. Kinh tế Việt Nam kết thúc năm 2012 với tăng trưởng GDP đạt 5,08%, mức thấp nhất trong vòng 4 năm gần đây. CPI ở mức 6,81%, vốn đầu tư toàn xã hội năm 2012 đạt 990 ngàn tỷ bằng 33,5% GDP, tỷ trọng này là mức thấp nhất kể từ năm 2000 trở lại đây.
- Hậu quả của nền kinh tế tăng trưởng quá nóng các năm trước, lạm phát gia tăng và giá hàng hóa cao đã làm giảm đáng kể lợi nhuận của các công ty bánh kẹo. Đối với các doanh nghiệp bánh kẹo, chi phí nguyên vật liệu chiếm từ 55-60% chi phí giá vốn hàng bán. Trong đó, chi phí bột và đường chiếm tỷ trọng lớn nhất, mức tăng giá cao các nguyên liệu này trong hơn nửa đầu năm 2012 đã gây áp lực lên lợi nhuận của BIBICA.
- Cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn, bánh kẹo nhập ngoại tăng trưởng cao với tâm lý chuộng ngoại của người tiêu dùng, gay gắt nhất vẫn là phân khúc dòng sản phẩm cao cấp.
- Rủi ro hỏa hoạn Dây chuyền Lotte Pie vào cuối tháng 5/2011, mức thiệt hại về thiết bị công nghệ (khoảng 150 tỷ đồng) đến nay vẫn chưa được Bảo hiểm PVI chấp thuận bồi thường, làm ảnh hưởng lớn đến nguồn vốn và chi phí tài chính của Công ty trong năm 2012. Mức chênh lệch sau khi thương thảo bồi thường sẽ còn ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm 2013.

Những thuận lợi:

- Ngành bánh kẹo là một trong những ngành có mức tăng trưởng cao và ít nhạy cảm với sự biến động nền kinh tế. Mức tiêu thụ bánh kẹo Việt Nam hiện tại đang thấp: trung bình đạt 1,8kg/người/năm so với thế giới là 2,8kg/người/năm.
- BIBICA là thương hiệu mạnh trong ngành bánh kẹo Việt Nam, 17 năm liền đạt danh hiệu “hàng Việt nam chất lượng” cao do người tiêu dùng bình chọn. HDQT.

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2012:

Kết quả kinh doanh (Đvt: 1000đ)

ST T	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2011		Kế hoạch Năm 2012		Thực hiện Năm 2012		So sánh	
		Giá trị	Tỷ trọng/DT	Giá trị	Tỷ trọng/DT	Giá trị	Tỷ trọng/DT	% KH	% cùng kỳ
A	Doanh thu	1,009,282,870		1,360,000,000		938,970,158		69.0%	93.0%
B	Các khoản giảm trừ	(9,059,853)		(7,000,000)		(9,316,963)			
C	Doanh thu thuần	1,000,223,017		1,353,000,000		929,653,196		68.7%	92.9%
D	Chi phí	(953,853,681)	95.4%	(1,303,100,000)	96.3%	(903,767,611)	97.2%	69.4%	94.7%
1	Giá vốn hàng bán	(709,972,778)	76.4%	(986,245,000)	72.9%	(664,229,357)	71.4%	67%	94%
2	Kết quả h/động TC	1,345,561	-0.1%	1,678,000	-0.1%	2,136,911	-0.2%		
3	Kết quả h/động khác	1,723,697	-0.2%	3,000,000	-0.2%	3,511,788	-0.4%		
4	CP bán hàng	(191,469,964)	20.6%	(243,861,000)	18.0%	(191,289,446)	20.6%	78%	100%
5	CP QLDN	(46,520,407)	5.0%	(65,197,000)	4.8%	(47,319,092)	5.1%	73%	102%
6	Thuế TNDN	(8,959,789)	1.0%	(12,475,000)	0.9%	(6,578,415)	0.7%	53%	73%
E	Lợi nhuận sau thuế	46,369,336	4.6%	49,900,000	3.7%	25,885,585	2.8%	51.9%	55.8%

✓ Doanh thu chỉ đạt 69% so với kế hoạch năm 2012 và giảm 6% so với năm 2011.

✓ Lợi nhuận trong năm: đạt 50% kế hoạch và chỉ bằng 54% so với năm 2011.

Tuy nhiên kết quả lợi nhuận năm 2012 trên chưa phản ánh đầy đủ vì:

- ✓ Đến nay, Bảo hiểm PVI vẫn chưa chấp thuận giá trị tổn thất vụ cháy dây chuyền ChocoPie tại Bình Dương năm 2011 và mức tổn thất được chấp nhận chưa xác định là bao nhiêu.

III. Báo cáo Tài chính năm 2012 và giải trình một số chỉ tiêu nhạy cảm trong báo cáo:

1. Báo Cáo Tài Chính:

(Theo số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2012)

2. Đánh giá báo cáo Tài chính:

2.1. Về thực hiện chế độ kế toán quy định:

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung quyết định 15 của Bộ Tài chính.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 đến 31/12.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: kế toán trên máy vi tính

2.2. Đánh giá báo cáo tài chính qua các hệ số:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	31.12.2010	31.12.2012
1	Các hệ số thanh khoản			
	Khả năng t/toán nợ phải trả (TTS/NPT)	Lần	3,67	4,06
	Khả năng t/toán nợ ngắn hạn (TSLĐ&ĐT/NNH)	Lần	2,00	2,03
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,38	1,35
2	Các hệ số đòn bẩy tài chính			
	Đòn cân nợ (Tổng TS/VCSH)	Lần	1,39	1,32
	Tổng nợ /Tổng TS	Lần	0,27	0,25
	Tổng nợ /VCSH	Lần	0,37	0,33
3	Các hệ số hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn/TK bq)	Vòng	5,95	5,53
	Vòng quay tổng tài sản (DTT/Tổng TSbq)	Vòng	1,29	1,21
	Vòng quay khoản phải thu(DTT/Phải thu bq)	Vòng	6,50	4,62
4	Các hệ số khả năng sinh lời			
	Tỷ suất lợi nhuận ròng/doanh thu thuần	%	4,60	2,78
	Tỷ suất lợi nhuận ròng/Tổng TS = ROA	%	5,88	3,37
	Tỷ suất lợi nhuận ròng/VCSH = ROE	%	8,07	4,47
	Tỷ suất lợi nhuận ròng/vốn đầu tư CSH	%	30,07	16,79
	Lợi nhuận ròng/Số CP lưu hành = EPS	VND/1CP	3.007,0	1.679,0
5	Thư giá cổ phần (VCSH/Số cp lưu hành)	VND/cp	37.242,0	37.550,0

3. Giải trình một số chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán:

STT	Chi tiêu	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Các khoản tương đương tiền	22.000.000.000	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 tháng.
1	Các khoản phải thu ngắn hạn khác, trong đó:	5.000.000.000	Cho Bông Bạch Tuyết vay từ tháng 03/2008; Toà án đã quyết định Bông Bạch Tuyết bồi thường 9,52 tỷ đồng. BBC đã trích lập dự phòng 100% khoản này.

2	Các khoản phải thu ngắn hạn khác, trong đó:	150.654.539.045	Gồm các khoản: phải thu CBCNV, thu lãi tiền gửi... Đặc biệt 146 tỷ đồng do BBC đã ứng trước để khôi phục sản xuất dây chuyền Lotte pie (đang thương lượng Bảo hiểm PVI xác định giá trị bồi thường).
4	XDCB dở dang	45.877.019.392	Tr.đó: Dự án tại KCN Phố Nối - Hưng Yên 30 tỷ đồng; Dự án kẹo Lolipop 12,5 tỷ đồng và phần mềm ERP R12 2,5tyd.
6	Chi phí trả trước dài hạn	14.128.400.859	Thuê đất tại Hà nội và Bình Dương 10,4 tỷ đồng; còn lại chi phí sửa chữa lớn và công cụ dụng cụ chờ phân bổ.
7	Chi phí phải trả	39.906.938.005	Chủ yếu là chi phí bán hàng đã thực hiện trong năm 2012 nhưng sang năm 2013 thanh toán và đã được hạch toán vào chi phí năm 2012.
8	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	40.630.572.283	Bảo hiểm PVI ứng trước tiền bồi thường 35 tỷ đồng; thu từ thanh lý tài sản, hàng hoá: 3,3tỷ; 2,29 tỷ đồng còn lại gồm các khoản bảo hiểm chưa nộp; tài sản thừa chờ xử lý...
9	Phải trả dài hạn khác	1.750.616.000	ký quỹ ký cược dài hạn của khách hàng.
10	Khấu hao đã trích trong năm	41.428.502.233	

IV/- Đánh giá và kiến nghị của Ban Kiểm Soát:

1./ Đánh giá:

- Không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao năm 2012.
- Chi phí ứng trước 150 tỷ đồng khôi phục sản xuất làm thiệt hại rất lớn đến hoạt động SXKD của BBC trong năm 2012 (đến nay PVI mới thanh toán 35 tỷ đồng). Giá trị thương mại giảm đi do kinh doanh gián đoạn và chi phí sử dụng vốn tăng thêm ước khoảng 14 tỷ đồng.
- Giữa Lotte và Ban điều hành BIBICA chưa gắn kết, công tác quản trị điều hành bị ảnh hưởng.

2./ Kiến nghị của Ban Kiểm soát:

- Đề nghị đẩy nhanh việc thương lượng với Bảo hiểm PVI để thu tiền bồi thường, giảm tối đa thiệt hại cho BBC.

Các vấn đề này đã được nêu ra trong báo cáo cổ đông 02 năm trước:

- Xúc tiến nhanh việc đầu tư tại Hưng Yên, đã thuê đất 05 năm đến nay dự án vẫn chưa đi vào hoạt động.

- Đề nghị có biện pháp thu hồi vốn khoản cho Công ty CP Bông Bạch Tuyết vay 5 tỷ đồng từ tháng 03/2008.
- Sớm chuyển nhượng các khoản đầu tư cổ phiếu còn lại (còn 9 loại CP) để tập trung vốn cho sản xuất kinh doanh; năm trước còn lại 13 loại CP.

Trên đây là toàn bộ phần báo cáo của Ban Kiểm Soát đề nghị được thông qua trước Đại Hội Cổ Đông

Chúc Đại Hội thành công.

Biên hòa ngày 04 tháng 03 năm 2013

TM Ban Kiểm Soát

Lê Hoài Nam